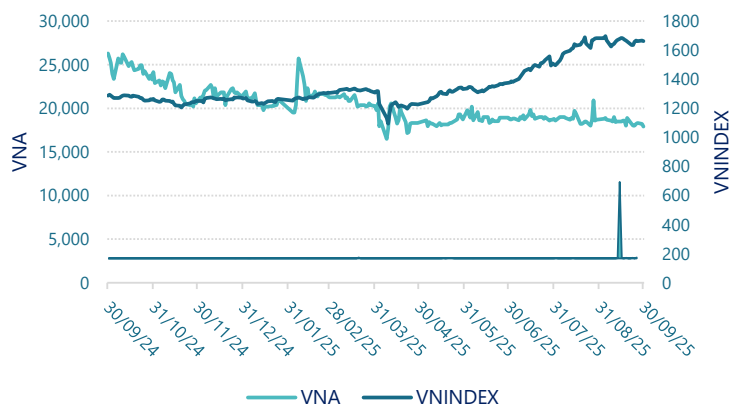


CTCP Vận tải biển VINASHIP (UPCOM: VNA)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	26,283
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	16,487
SL cổ phiếu LH	33,999,960
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,370
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	609
P/E	18.4
EPS	972

DT thuần

Q3/25

134

tỷ VNĐ

QoQ: ▼58.0| -30.3%

YoY: ▼29.0| -17.9%

LN sau thuế

Q3/25

-9.06

tỷ VNĐ

QoQ: ▼9.30| -3875%

YoY: ▼5.16| -132%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

-5.1%

+/- YoY: ▼ 2.8%

DT thuần

9T 2025

454

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.0| -3.1%

LN sau thuế

9T 2025

-8.73

tỷ VNĐ

YoY: ▼32.6| -136%

ROE

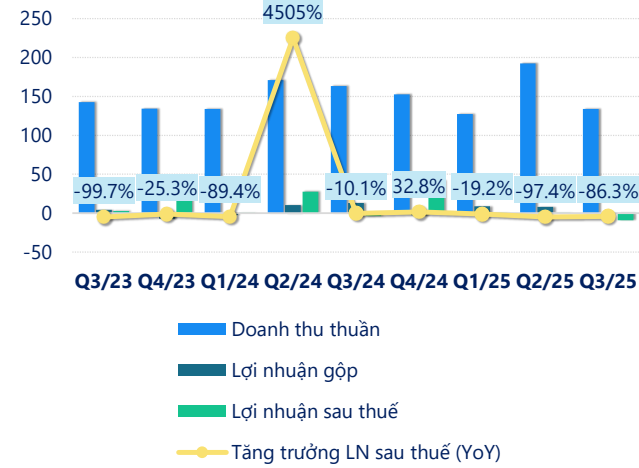
Q3/25

6.2%

+/- YoY: ▼ 4.8%

tỷ VNĐ

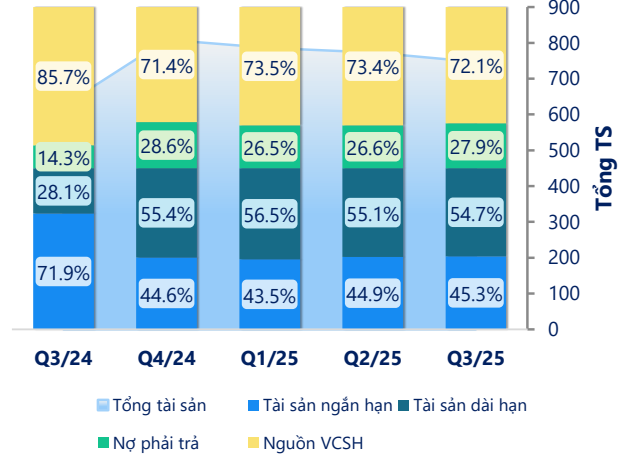
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

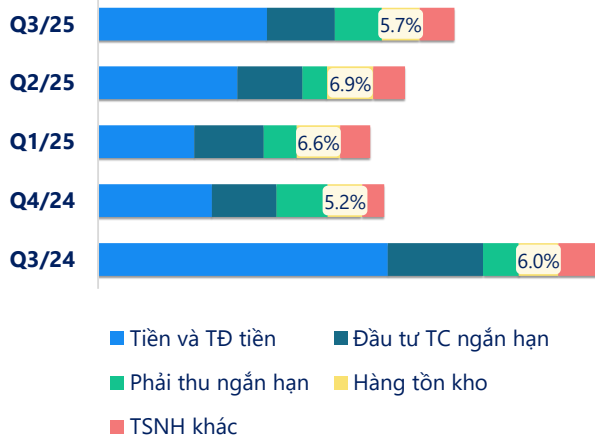
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



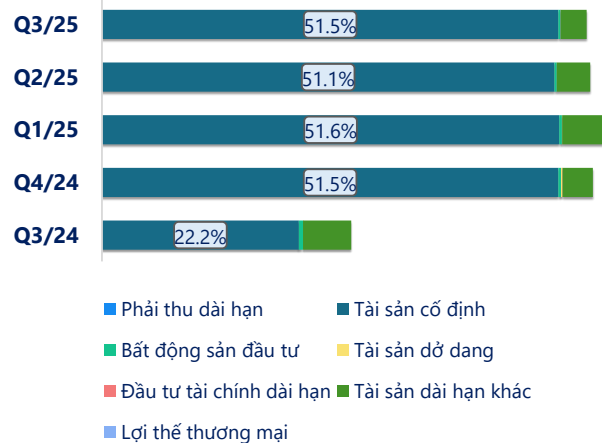
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

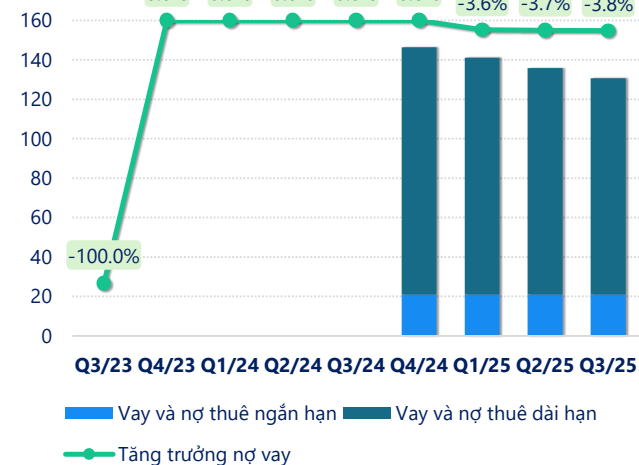
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

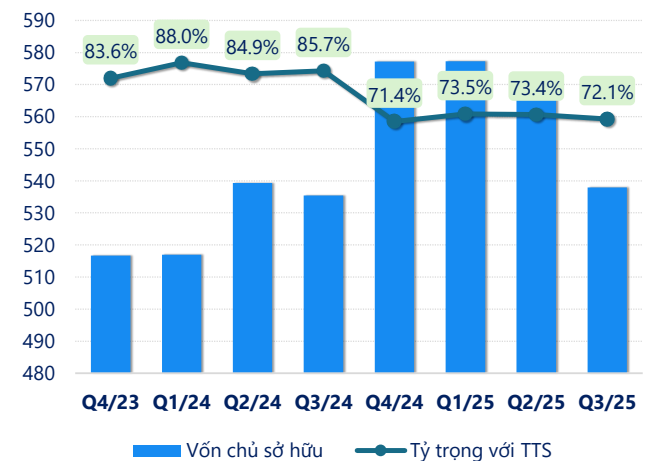
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

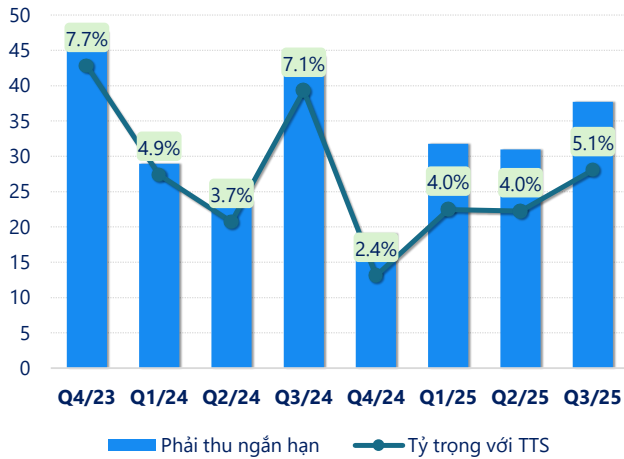
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



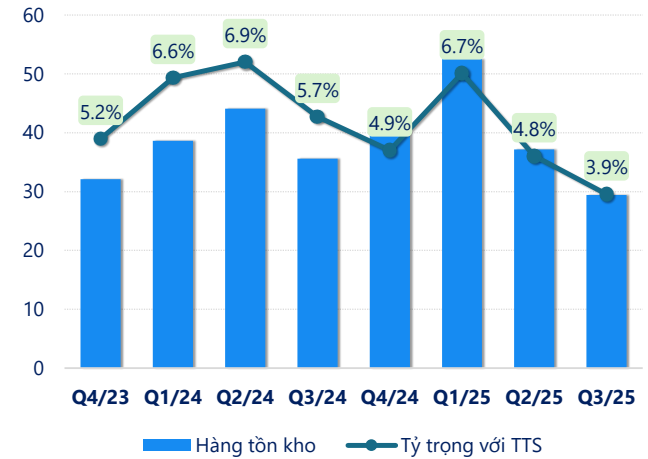
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


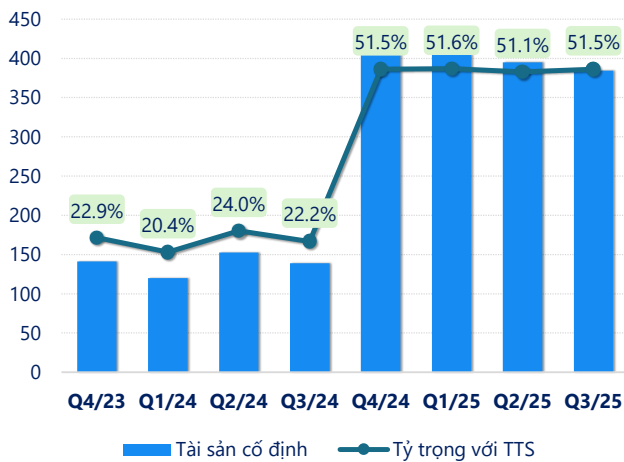
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


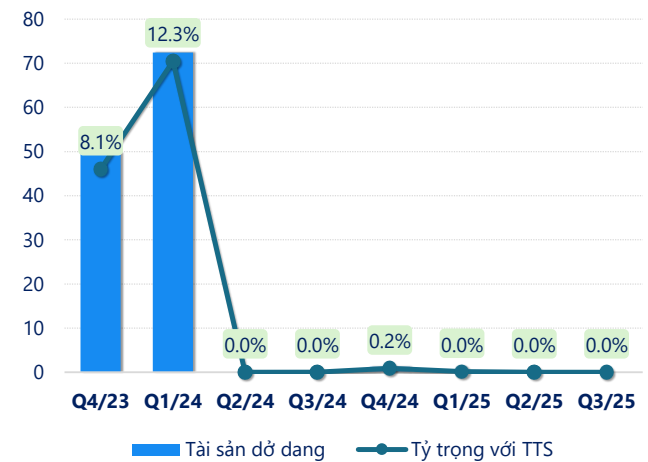
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

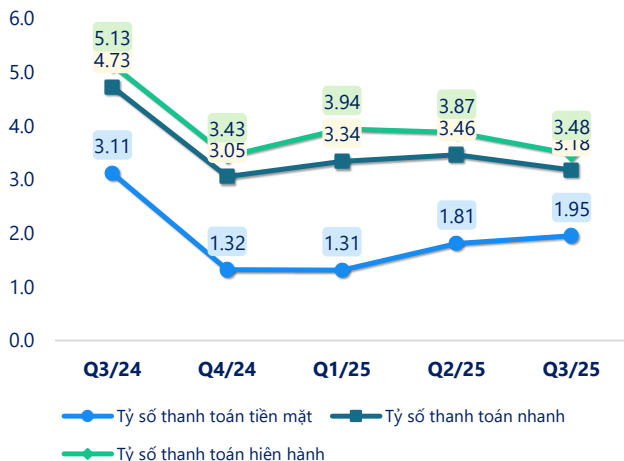
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

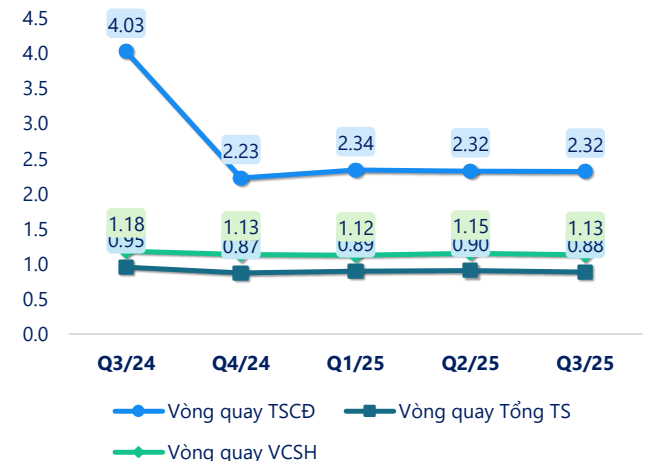
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	625	809	785	773	746
Tài sản ngắn hạn	449	361	342	347	338
Tiền và tương đương tiền	272	139	114	162	190
Đầu tư tài chính ngắn hạn	63.8	133	109	79.5	42.0
Phải thu ngắn hạn	44.2	19.1	31.8	31.0	37.7
Hàng tồn kho	35.6	39.9	52.5	37.2	29.4
Tài sản ngắn hạn khác	32.9	30.2	34.7	37.6	39.6
Tài sản dài hạn	176	448	444	426	408
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	139	416	405	395	384
Bất động sản đầu tư	2.84	2.64	2.44	2.24	2.05
Tài sản dở dang	0.01	1.22	0.18	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0.08	0.00	0.00	0.00	0.00
Tài sản dài hạn khác	34.1	27.7	36.1	28.9	21.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	89.2	232	208	206	208
Nợ ngắn hạn	87.5	105	86.6	89.7	97.2
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	20.9	20.9	20.9	20.9
Phải trả người bán ngắn hạn	27.2	27.6	35.3	26.4	11.7
Nợ dài hạn	1.76	127	122	116	111
Vay và nợ thuê dài hạn	0	125	120	115	110
Nguồn vốn chủ sở hữu	535	577	577	567	538
Vốn chủ sở hữu	535	577	577	567	538
Vốn điều lệ	340	340	340	340	340
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)